

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 14/06/2022
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự
cho vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Lên
2. Ông Trần Công Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Điền – Kiểm sát viên.

Ngày 14/06/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự cho vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- DS ngày 19/05/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 07/06/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đình M, sinh năm: 1970 và bà Dương Thị Thu V, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn Kỳ X, xã Tịnh K, thành phố Quảng N, tỉnh Quảng Ngãi, (*đều có mặt*).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Khu dân cư số 4, thôn Đông An V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, (*vắng mặt*).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu dân cư số 4, thôn Đông An V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021, qua bản tự khai, biên bản kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng ông Trần Đình M và bà Dương Thị Thu V trình bày như sau:

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 bà Nguyễn Thị H có mượn (vay) của vợ chồng ông M, bà V số tiền 1.800.000.000đ (*một tỷ tám trăm triệu đồng*), không tính lãi. Mục đích của bà H vay tiền để làm ăn buôn bán phục vụ kinh tế cho gia đình. Bà H có viết giấy cam kết trả nợ, hẹn vào ngày 16/02/2021 trả trước 600.000.000đ và số tiền còn lại sẽ trả hết sau một năm, nhưng mãi đến nay bà H không chịu trả mà cứ hẹn nay hứa mai. Do đó, vợ chồng ông Trần Đình M, bà Dương Thị Thu V làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền 1.800.000.000đ (*một tỷ tám trăm triệu đồng*) cho ông M, bà V và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Theo lời trình bày của vợ chồng ông M, bà V là đúng, bà Hiệu có mượn (vay) của vợ chồng ông M, bà V số tiền 1.800.000.000đ (*một tỷ tám trăm triệu đồng*), không tính lãi về để làm ăn buôn bán phục vụ kinh tế cho gia đình. Nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, kinh doanh thua lỗ nên đến nay bà H chưa có điều kiện để trả nợ cho ông M, bà V. Nay vợ chồng ông M, bà V yêu cầu bà H, ông T phải trả số nợ trên, bà H đồng ý trả, không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T không có trình bày ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thủ tục cấp, tổng đạt, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 1.800.000.000đ (*một tỷ tám trăm triệu đồng*). Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn vợ chồng ông Trần Đình M, bà Dương Thị Thu V khởi kiện yêu cầu bị bà Nguyễn Thị H phải trả khoản nợ mà bà H đã vay, có viết giấy cam kết trả nợ, do vậy quan hệ pháp luật đang tranh chấp là hợp đồng dân sự cho vay tài sản. Về thẩm quyền giải quyết, bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại thôn Đông An V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật đã nhận xét Tòa án tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả hai đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Qua các lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn vợ chồng ông Trần Đình M, bà Dương Thị Thu V, bị đơn bà Nguyễn Thị H đều thống nhất rằng bà H là người trực tiếp vay của vợ chồng ông M, bà V số tiền 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu đồng), không tính lãi. Mục đích vay là để làm ăn buôn bán phục vụ kinh tế cho gia đình. Lúc vay có viết giấy cam kết trả nợ, hạn đến ngày 16/02/2021 trả trước 600.000.000đ và số tiền còn lại sẽ trả hết sau một năm, có nghĩa là đến ngày 18/11/2021 là sẽ trả xong khoản nợ trên, tuy nhiên, mãi đến nay bà H vẫn chưa chịu trả cho ông M, bà V đồng tiền nào cả. Như vậy, bà H đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ theo như trong giấy cam kết trả nợ, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tài sản nên ông M, bà V yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cho ông M, bà V là có căn cứ. Còn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T: Tuy lúc bà H đi vay số tiền trên ông T không biết, nhưng sau khi vay số tiền này về để làm ăn buôn bán phục vụ kinh tế cho gia đình, với số tiền lớn thì buộc ông T phải biết. Ngoài ra, theo biên bản lấy lời khai ngày 04/03/2022 của bà Nguyễn Thị H khẳng định: Lúc vay số tiền trên thì chồng bà H (ông T) không biết, nhưng sau đó thì biết, vì mục đích vay về để làm ăn buôn bán phục vụ kinh tế cho gia đình, vợ chồng bà H, ông T đồng ý trả nợ nhưng chưa có điều kiện trả, do khó khăn về kinh tế nên sẽ trả dần cho ông M, bà V. Do vậy, căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông Bùi Văn T phải có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị H trả khoản nợ 1.800.000.000đ cho ông M, bà V. Mặt khác, ông Bùi Văn T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn, để mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, để tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T lại không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc: Ông T không biết việc bà H vay số tiền trên của ông M, bà V và cũng không có trách nhiệm đến khoản tiền nợ trên. Do đó, ông Bùi Văn T phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình và Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn để giải quyết theo quy định tại Điều 91, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2.2] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình M, bà Dương Thị Thu V, buộc bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn T phải có nghĩa vụ trả số

tiền 1.800.000.000đ (*một tỷ tám trăm triệu đồng*) cho vợ chồng ông Trần Đình M, bà Dương Thị Thu V là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về lãi suất: Các bên thừa nhận việc vay không có tính lãi suất và tại phiên tòa ông M, bà V không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Trần Đình M, bà Dương Thị Thu V.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình M, bà Dương Thị Thu V, buộc bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Đình M, bà Dương Thị Thu V số tiền 1.800.000.000đ (*một tỷ tám trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Văn T phải chịu 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại 33.000.000đ (*ba mươi ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Đình M, bà Dương Thị Thu V theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000863 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND H. Lý Sơn;
- Chi cục THADS H. Lý Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lên

Trần Công Thông

Nguyễn Văn Thu